

Số: 1818/TB-CTHADS

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ các Bản án số 13/2018/DSST, số 14/2018/DSST cùng ngày 25/5/2018, số 08/2019/DSST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh; các Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 74/2018/QĐ-PT và số 75/2018/QĐ-PT cùng ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh; Bản án số 91/2019/DS-PT ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ các Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 01, số 02/QĐ-CCTHADS cùng ngày 01/10/2018; số 31/QĐ-CCTHADS ngày 12/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 01/QĐ-CTHADS ngày 15/10/2018 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh;

Căn cứ các Quyết định rút hồ sơ thi hành án số 05 và số 06/QĐ-CTHADS cùng ngày 27/5/2019, số 02/QĐ-CTHADS ngày 05/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ kết quả thẩm định giá ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định Việt Nam;

Căn cứ Biên bản giải quyết việc thi hành án lập ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Do bên được thi hành án không có sự thỏa thuận về lựa chọn tổ chức đấu giá, Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh (địa chỉ: Số 2 đường Nguyễn Phi Ý Lan, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) cần lựa chọn tổ chức bán đấu giá để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá các tài sản đã kê biên sau:

- Quyền sử dụng thửa đất số 66, tờ bản đồ số 9, diện tích 274m², ở tại Khu Bò Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (đã được UBND thành phố Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 568632 ngày 27/8/2014, mang tên chủ sở hữu, sử dụng là ông Nguyễn Khắc Huân và bà Nguyễn Thị Hà).

- Các tài sản gắn liền trên thửa đất nêu trên (đều đã qua sử dụng), gồm có: 01 ngôi nhà 03 tầng, cấp IV-B, kết cấu tường chịu lực, năm hoàn thành xây dựng 2004; Tường rào xung quanh nhà; Cổng sắt; 01 Lán lợp tôn khung sắt mái vòm; 01 Bể chứa nước kiểu non bộ; 01 Gian nhà, mái lợp tôn lạnh, nền lát gạch men; 01 Lán lợp tôn khung sắt; 01 Khu vệ sinh, mái đổ bê tông.

Tổng giá trị các tài sản nêu trên: 16.322.371.000đ (Mười sáu tỷ ba trăm hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh thông báo để các tổ chức bán đấu giá biết, đăng ký.

1. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Các tổ chức bán đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản. (có Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá kèm theo).

2. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Đơn tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá.
- Hồ sơ pháp lý đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản (phải được công chứng, chứng thực).

3. Thời gian nộp hồ sơ:

Từ ngày 08 tháng 8 năm 2024 đến trước 16 giờ 30 phút ngày 13 tháng 8 năm 2024.

4. Hình thức, địa chỉ nộp hồ sơ:

Các tổ chức đấu giá tài sản có nhu cầu, đề nghị lập 01 bộ hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá và nộp trực tiếp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh./.

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



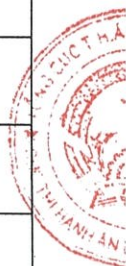
Khúc Thành Dũng



BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông báo 1818/TB-CTHADS ngày 07 tháng 8 năm 2024
của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	6,0



TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
1.1	Dưới 03 hợp đồng	2,0
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	18,0
2.1	Dưới 20%	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định: Tổ chức đấu giá tài sản có năng lực, kinh nghiệm, đã tổ chức đấu giá thành công tài sản để thi hành án tại Bắc Ninh.	5,0
Tổng số điểm		100

